

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn./.

Chánh án
Tòa án nhân dân tối cao

NGUYỄN VĂN HIỆN

LỆNH của Chủ tịch nước số 05/2003-L-CTN ngày 10/3/2003 về việc công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

Nghị quyết quy định tổng biên chế và số lượng Thẩm phán của các Tòa án nhân dân địa phương năm 2003.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2003./.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

NGHỊ QUYẾT số 355/2003/NQ-UBTVQH11
ngày 25/02/2003 quy định tổng
biên chế và số lượng Thẩm phán
của các Tòa án nhân dân địa
phương năm 2003.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân tối cao,

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng biên chế cán bộ, công chức của các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2003 là 3064 (ba nghìn không trăm sáu mươi tư) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh là 1118 (một nghìn một trăm mươi tám) người.

Điều 2. Tổng biên chế cán bộ, công chức của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm 2003 là 5936 (năm nghìn chín trăm ba mươi sáu) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện là 3515 (ba nghìn năm trăm mươi lăm) người.

Điều 3. Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân